

Ngày 31/03/2025	20,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	5.3%	8.7%	9.9%

2024	
ROE	14.5%
	+/- YoY ▲ 3.7%

Q1/25		
DT thuần	980	
tỷ VNĐ		
	QoQ ▲ 433 ▲ 79.1%	YoY ▲ 267 ▲ 37.4%

2024	
DT thuần	3,150
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 24.0 ▼ 0.7%

Q1/25		
LN gộp	20.7	
tỷ VNĐ		
	QoQ ▼ 0.40 ▼ 1.7%	YoY ▲ 0.60 ▲ 3.2%

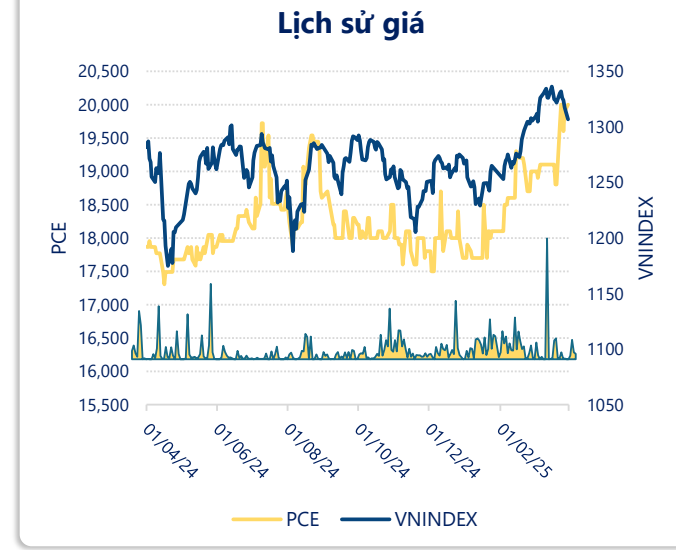
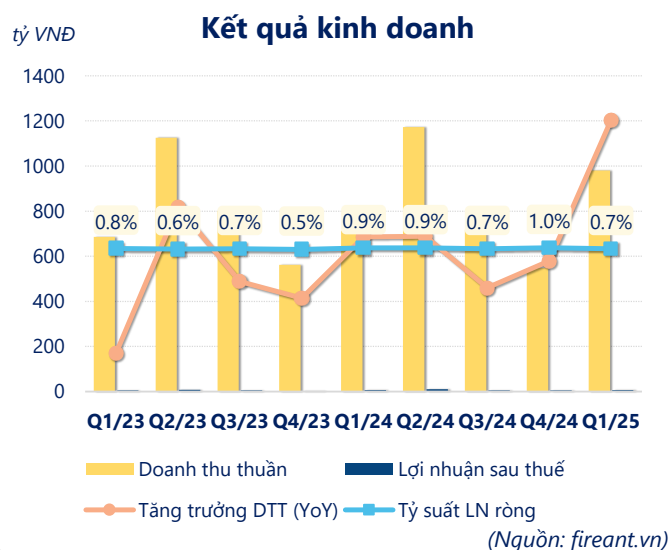
2024	
LN gộp	80.4
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 0.30 ▼ 0.3%

Q1/25		
LN thuần	6.05	
tỷ VNĐ		
	QoQ ▲ 14.1 ▲ 175%	YoY ▼ 0.10 ▼ 1.7%

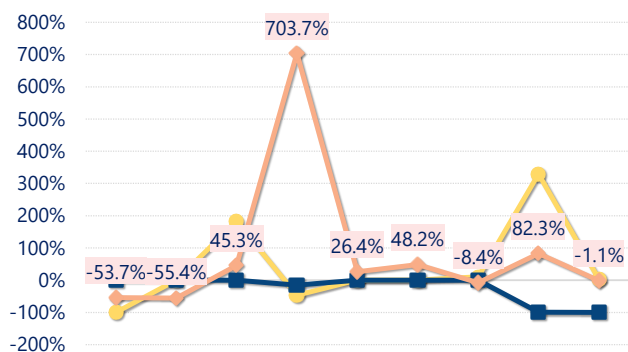
2024	
LN thuần	10.4
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 6.00 ▼ 36.8%

Q1/25		
LN sau thuế	6.67	
tỷ VNĐ		
	QoQ ▲ 1.28 ▲ 23.8%	YoY ▲ 0.11 ▲ 1.7%

2024	
LN sau thuế	27.7
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 6.80 ▲ 32.4%



Tăng trưởng lợi nhuận

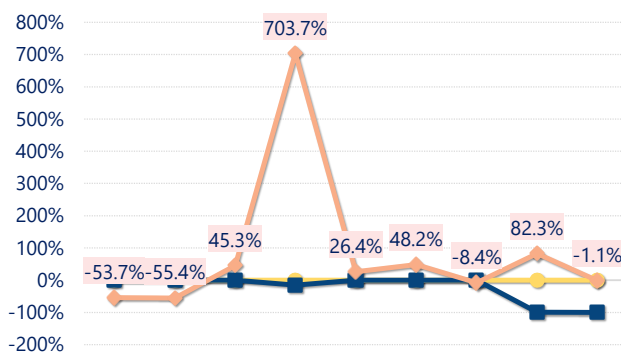


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

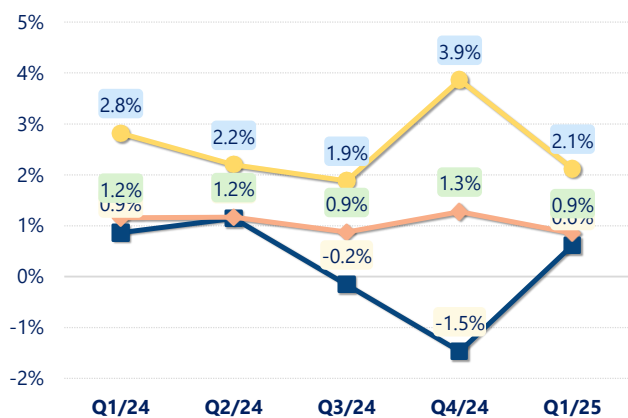


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

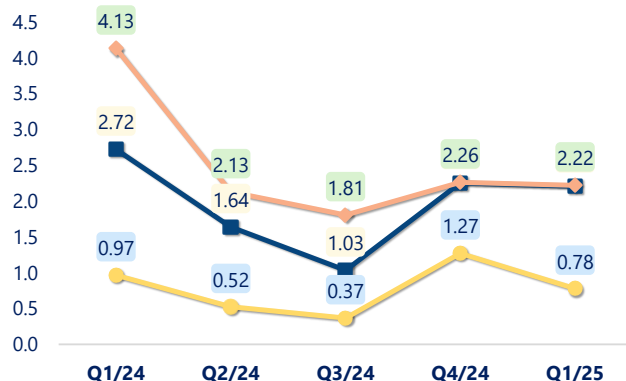


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

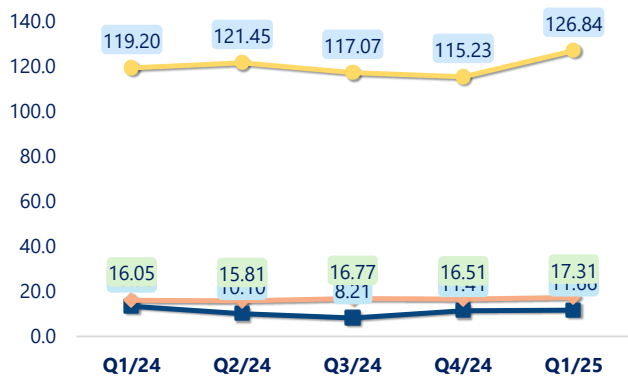


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

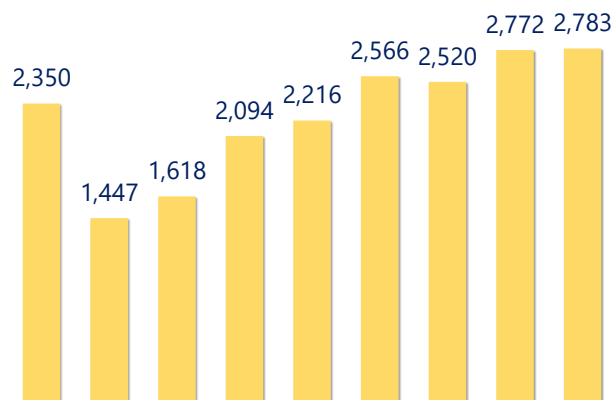


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	980	713	37.4%	3,150	3,174	-0.7%
Giá vốn hàng bán	959	693	38.4%	3,070	3,093	-0.8%
Lợi nhuận gộp	20.7	20.1	3.2%	80.4	80.7	-0.3%
Doanh thu HĐTC	0.83	0.25	231%	1.37	1.62	-15.4%
Chi phí TC	0	0.00		0.33	0.41	-19.7%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.33	0.41	-19.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	10.3	9.15	12.3%	50.2	43.3	16.0%
Chi phí QLDN	5.25	5.04	4.2%	20.9	22.2	-5.8%
LN thuần từ HĐKD	6.05	6.15	-1.7%	10.4	16.4	-36.8%
Lợi nhuận khác	2.29	2.09	9.7%	24.4	9.94	146%
LN trước thuế	8.34	8.24	1.2%	34.8	26.4	32.0%
Lợi nhuận sau thuế	6.67	6.56	1.7%	27.7	20.9	32.4%
LNST của CĐ cty mẹ	6.67	6.56	1.7%	27.7	20.9	32.4%

(Nguồn: fireant.vn)

